

Số: 81/2022/QĐST-HNGĐ

Quận 7, ngày 08 tháng 02 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ vào các Điều 212, 213 và Khoản 4 Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các 55, 57, 58, 81, 82, 83, 84 và Điều 116 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008 được sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 395/2021/ TLST – HNGĐ ngày 04/11/2021 về việc “yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Ông Nguyễn Văn P, sinh năm 1981; địa chỉ: Số 15/9 đường T, Phường Y, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bà Phan Thị T, sinh năm 1984; địa chỉ: Số 1092/4/5 đường P, Tổ Q, Khu phố B, phường P, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền giải quyết việc dân sự:

Bà Phan Thị T cư trú tại Quận 7, căn cứ Khoản 2 Điều 29, Điều 35; Điểm h Khoản 2 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của các đương sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận M, Tp. HCM.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Ông Nguyễn Văn P và bà Phan Thị T xác lập quan hệ hôn nhân năm 2010, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn theo quy định (Giấy chứng nhận hôn nhân số 76/2010, quyển số 01/2010 đăng ký tại Ủy ban nhân dân Phường A, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh ngày 15/7/2010).

Quá trình chung sống ông Nguyễn Văn P và bà Phan Thị T phát sinh mâu thuẫn, cả hai nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được, không thể hàn gắn tình cảm vợ chồng, nên yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

Xét thấy, tình cảm vợ chồng giữa Nguyễn Văn P và bà Phan Thị T thật sự không còn, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, yêu

cầu công nhận thuận tình ly hôn của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, nên chấp nhận.

[3] Về con chung: Căn cứ bản sao Giấy khai sinh số 74/2012, Quyền số 01/2012 đăng ký ngày 25/4/2012 tại UBND Phường A, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh và bản sao Trích lục khai sinh số 71/TLKS-BS ngày 20/4/2016 tại UBND phường T, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh và lời khai thừa nhận của các đương sự có đủ cơ sở xác định ông Nguyễn Văn P và bà Phan Thị T có 02 người con chung, họ và tên Nguyễn Thị Anh T1 (nữ), sinh ngày 27/3/2012 và Nguyễn Quang T2 (nam), sinh ngày 16/4/2016.

Ông Nguyễn Văn P và bà Phan Thị T thỏa thuận thống nhất giao trẻ Nguyễn Thị Anh T1 và Nguyễn Quang T2 cho bà Phan Thị T trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng. Ông Nguyễn Văn P cấp dưỡng nuôi con chung 1.500.000 đồng/trẻ/tháng, cấp dưỡng vào ngày 10 (dương lịch) hàng tháng, bắt đầu cấp dưỡng từ tháng 02/2022. Xét thỏa thuận này của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội, nên công chấp nhận.

[4] Về tài sản chung: Ông Nguyễn Văn P và bà Phan Thị T không có tài sản chung.

[5] Về nợ chung: Ông Nguyễn Văn P và bà Phan Thị T xác nhận không có nợ chung, nên không xét.

[6] Về lệ phí việc dân sự: Ông Nguyễn Văn P và bà Phan Thị T phải chịu lệ phí giải quyết việc dân sự theo quy định của pháp luật.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Văn P và bà Phan Thị T thuận tình ly hôn (Giấy chứng nhận hôn nhân số 76/2010, quyền số 01/2010 đăng ký tại Ủy ban nhân dân Phường A, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh ngày 15/7/2010).

1.2. Về con chung: Ông Nguyễn Văn P và bà Phan Thị T có 02 người con chung, họ và tên Nguyễn Thị Anh T1(nữ), sinh ngày 27/3/2012 và Nguyễn Quang T2(nam), sinh ngày 16/4/2016.

Giao trẻ Nguyễn Thị Anh T1 và Nguyễn Quang T2 cho bà Phan Thị T trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng. Ông Nguyễn Văn P cấp dưỡng nuôi con chung 1.500.000 đồng/trẻ/tháng, cấp dưỡng vào ngày 10 (dương lịch) hàng tháng, bắt đầu cấp dưỡng từ tháng 02/2022 cho đến có căn cứ chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo Điều 118 luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Trong trường hợp ông Nguyễn Văn P chậm thi hành khoản tiền cấp dưỡng nuôi con thì ông Nguyễn Văn P còn phải trả lãi đối với số tiền chậm thi hành theo quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Ông Nguyễn Văn P có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung. Vì lợi ích của con theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

1.3. Về tài sản chung: Không có.

1.4 Về nợ chung: Không có.

2. Về lệ phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Văn P và bà Phan Thị T chịu lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng lệ phí số AA/2021/0013599 ngày 04/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh. Các đương sự đã nộp đủ.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND Tp.HCM;
- VKSND Q7;
- Chi cục THADS Q7;
- UBND Phường 2;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, HS (TK.Loan).

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Như Hoa